

Số: 17/NQ-HĐND

Ba Tri, ngày 21 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn phương án chuyển nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn kinh phí chưa hết nhiệm vụ chi năm 2024 chuyển sang năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 17
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 10/STC-QLNS, ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau;

Xét Tờ trình số 1068/TTr-UBND, ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri về việc xin phê duyệt phương án chuyển nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn kinh phí chưa hết nhiệm vụ chi năm 2024 chuyển sang năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất thông qua phương án chi chuyển nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn kinh phí chưa hết nhiệm vụ chi năm 2024 chuyển sang năm 2025 để tiếp tục triển khai thực hiện, với tổng số tiền là **134.068.041.523 đồng** (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, không trăm bốn mươi một ngàn, năm trăm hai mươi ba đồng).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)



Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục triển khai thực hiện nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 đúng theo Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XII kỳ họp thứ 17 (giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Thường trực Huyện ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- UBND huyện;
- Phòng Tư Pháp;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Bùi Thành Dương

PHỤ LỤC
CHI CHUYÊN NGUỒN NĂM 2024 CHUYỂN SANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **17** /NQ-HĐND ngày **21** /4/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Ba Tri)

ĐVT: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	134.068.041.523	
A	NGUỒN KINH PHÍ CHƯA HẾT NHIỆM VỤ CHI NĂM 2024 CHUYỂN SANG NĂM 2025	93.259.041.523	
I	NGUỒN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC	20.202.852.575	
	Trong đó:		
	Quỹ lương chưa phân bổ	10.512.527.430	
	Nguồn kinh phí tự chủ (13)	8.423.739.478	
	Nguồn kinh phí bổ sung sau 30/9	1.266.585.667	
II	TÀM ỨNG XDCB TẬP TRUNG CẤP HUYỆN	4.529.658.763	
1	Xây dựng cầu Kênh Trục 418, xã An Hiệp, huyện Ba Tri	982.168.000	
2	Mở rộng khu di tích Phan Ngọc Tòng, huyện Ba Tri	26.143.300	
3	Khu hành chính xã An Bình Tây, huyện Ba Tri	2.846.567.000	
4	Khu hành chính xã An Bình Tây, huyện Ba Tri	436.889.463	
5	Đền thờ Lang Lại Nhị Đại Tướng Quân, xã An Hiệp, huyện Ba Tri. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, xây dựng hàng rào	237.891.000	
III	NGUỒN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ	6.784.248.168	
1 Tân Thủy		70.510.000	
	Nâng cấp Đường ĐA.06 và ĐA.11	70.510.000	
2 Phú Lễ		274.658.000	
	Đường từ Cầu Bờ Chùa đến giáp An Bình Tây	274.658.000	
3 Phước Ngãi		1.448.600.000	
	Xây dựng tuyến đường ấp Phú Thuận	1.163.319.000	
	Sửa chữa chợ Phước Tuy	285.281.000	
4 Mỹ Nhơn		226.158.500	
	Đường Tổ NDTQ số 01, ấp Nhơn Phú, xã Mỹ Nhơn	40.000.000	
	Đường Tổ NDTQ số 15, ấp Nhơn Phú, xã Mỹ Nhơn	62.660.000	
	Đường Tổ 10,11, ấp Nhơn Quới, xã Mỹ Nhơn	91.200.000	
	Đường Tổ NDTQ số 14, ấp Nhơn Thuận, xã Mỹ Nhơn	32.298.500	
5 Mỹ Thạnh		609.873.000	
	Xây dựng Đường ĐA.07 ấp Mỹ Trung	609.873.000	
6 An Ngãi Trung		1.425.469.800	
	Sửa chữa chợ Cái Bông xã An Ngãi Trung: Hạng mục Nhà lồng chợ Nông sản, nhà lồng Chợ cá	1.069.185.000	
	Xây dựng đường ĐA.05 ấp An Định 2	356.284.800	

ST T	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
7	An Hiệp	471.609.000	
	Đường ĐA.04 (Đoạn 2) ấp An Điền Lớn	347.107.000	
	Đường ĐC.08; ấp An Điền Bé	124.502.000	
8	Thị Trấn Ba Tri	111.349.000	
	Hẻm Tổ NDTQ số 12, Khu phố 4 (Đoạn 1)	111.349.000	
9	Vĩnh An	42.067.643	
	Đổi ứng xây dựng GTNT	42.067.643	
10	An Ngãi Tây	1.546.274.300	
	Xây dựng chợ xã An Ngãi Tây	1.293.085.000	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn	253.189.300	
11	Xã Mỹ Hòa (xã Tân Mỹ chuyển sang)	557.678.925	
	Đổi ứng xây dựng GTNT	557.678.925	
IV	CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	53.183.748.644	
1	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (TW, Tỉnh)	28.657.259.200	
	- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	16.971.314.000	
	- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	11.685.945.200	
2	KP thực hiện chính sách miễn giảm học phí	3.400.892.000	
3	Kinh phí mua xe chuyên dùng phục vụ công tác vận chuyển rác cho huyện Ba Tri	1.472.000.000	
4	Duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện và thiết bị chiếu sáng công cộng năm 2023	490.860.425	Chuyển nguồn nộp trả theo kiến nghị KTNN
5	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng trường lớp năm 2023	10.800.000.000	
6	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số năm 2022	20.769.600	
7	KP quy hoạch đô thị chung xây dựng đô thị thị trấn Ba Tri	3.956.580.000	
8	Kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2024 hết nhiệm vụ chi	4.031.255.904	Chuyển nguồn nộp trả ngân sách tỉnh
9	Kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2023 hết nhiệm vụ chi	330.731.515	Chuyển nguồn nộp trả ngân sách tỉnh
10	Trợ cấp mai táng phí theo Quyết định 62, 290	23.400.000	
V	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	1.208.514.270	
	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 chuyển sang năm 2025 (cấp huyện)	1.208.514.270	
VI	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ	1.271.628.000	
	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP	1.271.628.000	

ST T	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
VII	NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN	6.078.391.103	
1	Kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG	1.180.724.000	
	- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	869.924.000	
	- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	310.800.000	
2	Kinh phí tiết kiệm thêm 5% theo Nghị quyết 119/NQ-CP (sử dụng xóa nhà tạm, nhà dột nát)	2.796.974.000	
3	Kinh phí các ngành bổ sung sau 30/9	2.014.228.822	
	Trung Tâm GDNN-GDTX (Hỗ trợ chi phí học tập học sinh, sinh viên)	336.000.000	
	Ủy ban MTTQVN huyện Ba Tri (kinh phí hội nghị)	30.261.005	
	Phòng LĐ - TB và XH (bảo trợ xã hội)	753.015.000	
	Phòng KT và Hạ tầng (Cây xanh HU&UBND huyện)	173.771.454	
	Trung tâm y tế (tiền thưởng)	5.497.713	
	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (Kiểm kê đất đai)	200.000.000	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (Cắm mốc quy hoạch)	315.683.650	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (An toàn giao thông)	200.000.000	
4	Kinh phí tự chủ phân bổ cho các ngành	86.464.281	
	Trung Tâm GDNN-GDTX (hoạt động)	3.303.225	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo (hoạt động)	83.161.056	
B	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2024 CHUYỂN SANG NĂM 2025	40.809.000.000	
I	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN (TRẢ NỢ CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH)	38.759.000.000	
1	Khu hành chính xã Phú Lễ	3.676.000.000	
2	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc ĐX.01 (đoạn từ vòng xoay An Bình Tây đến đường Nguyễn Đình Chiểu), xã An Bình Tây, huyện Ba Tri	6.250.000.000	
3	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường vào Trung tâm xã An Hòa Tây (ĐH.DK.01 đoạn từ QL.57C đến ĐH.DK.03), xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri	6.572.000.000	
4	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường Vĩnh Hòa - Phước Ngãi (ĐH.DK.01 đoạn từ ĐX.02 đến cầu Bến Vựa), xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri	4.823.000.000	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Vĩnh Hòa - Phước Ngãi (ĐH.DK.01 đoạn từ cầu Bến Vựa đến đường ĐH.DK.04), xã Phước Ngãi	5.202.000.000	
6	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường liên xã Phước Ngãi - Bảo Thạnh (ĐH.DK.04 đoạn từ ĐT.881 đến ĐH.16), xã Phước Ngãi, Bảo Thạnh	6.494.000.000	
7	Đường ĐX.01 (đoạn từ ĐH.DK.04 đến ĐX.02 và nhánh rẽ đến ĐA.01), xã Phước Ngãi	3.792.000.000	

ST T	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
8	Xây dựng cầu Trần Thị Cẩm Hương, xã An Hiệp	1.950.000.000	
II	CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH	1.050.000.000	
	Kinh phí xóa nhà tạm, nhà dột nát theo Quyết định 781/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bến Tre (Hộ chính sách; xây mới 7 căn; sửa chữa 21 căn)	1.050.000.000	
III	BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ	1.000.000.000	
	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Quyết định 3373/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri)	1.000.000.000	